ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2013*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện chính sách và trình tự, thủ tục xác định đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 755/QĐ-TTg).

2. Vùng đồng bằng sông Cửu Long được hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định số 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

Đối với các địa phương có quy định chuẩn nghèo cao hơn chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc vận dụng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg; kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đất ở

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tự cân đối quỹ đất và ngân sách để quyết định giao đất ở cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách để làm nhà ở theo quy định tại Điều 1 và Khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 755/QĐ-TTg.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất sản xuất

1. Đất sản xuất quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất và đất nông nghiệp khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình trên địa bàn tỉnh nhưng không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật đất đai để làm cơ sở xác định hộ gia đình chưa đủ đất sản xuất.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội cho mỗi hộ chưa có đất sản xuất tối đa 30 triệu đồng/hộ. Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 15 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ, thời gian vay là 5 năm với mức lãi suất bằng 0,1%/tháng tương đương

với 1,2%/năm. Đối với hộ thiếu đất sản xuất, số tiền được hỗ trợ tương ứng với diện tích đất còn thiếu so với mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình trên địa bàn tỉnh quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất, điều kiện thực tế của địa phương để quyết định thực hiện hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này như sau:

a) Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất được mà không cần phải thực hiện cải tạo đất thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất hoặc chưa đủ đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai, Quyết định số 755/QĐ-TTg và Thông tư này. Các hộ này không được sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và không được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trường hợp địa phương còn quỹ đất sản xuất nhưng phải khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để có khả năng sản xuất được thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) hướng dẫn các hộ trực tiếp khai hoang, phục hóa, cải tạo đất hoặc tổ chức lập và thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất sản xuất cho hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định của pháp luật về đất đai, Quyết định số 755/QĐ-TTg và Thông tư này. Kinh phí thực hiện việc khai hoang, phục hóa, cải tạo đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg;

c) Trường hợp các hộ có nhu cầu tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất thì Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Mức hỗ trợ thực hiện việc nhận chuyển nhượng theo số tiền giao dịch thực tế nhưng không vượt quá quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Tùy điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ thêm cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn hợp pháp khác.

Điều 5. Hỗ trợ nước sinh hoạt

1. Nước sinh hoạt phân tán

Việc hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cần phải linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của từng hộ; đảm bảo nguyên tắc các hộ được hỗ trợ kinh phí phải có nước sinh hoạt ổn định và bố trí ở khu vực thuận tiện cho sinh hoạt gia đình;

Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ kinh phí nước phân tán theo chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt.

2. Nước sinh hoạt tập trung

Đầu tư xây dựng những công trình nước sinh hoạt tập trung phải căn cứ theo Đề án đã được phê duyệt thuộc Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh các công trình thuộc đề án đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Ủy ban Dân tộc.

Căn cứ vào kết quả rà soát, căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vốn đầu tư từng công trình nước sinh hoạt tập trung theo Quyết định số 755/QĐ-TTg cho phù hợp.

Điều 6. Các chính sách khác

Đối với những địa phương không còn quỹ đất sản xuất để giao, tùy điều kiện thực tế của địa phương thực hiện một trong các hình thức như hỗ trợ để chuyển đổi nghề hoặc hỗ trợ đi xuất khẩu lao động hoặc giao khoán bảo vệ và trồng rừng.

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề cho các hộ thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của địa phương; phối hợp với các Sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mở các lớp đào tạo nghề theo cơ chế, chính sách quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách các hộ có nhu cầu vốn mua sắm nông cụ, máy móc để làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp; quyết định danh sách các hộ được vay vốn để làm các nghề khác (nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, kinh doanh buôn bán nhỏ và dịch vụ), Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát và cấp vốn hỗ trợ theo chính sách cho các hộ trong danh sách đã được duyệt, đồng thời thông báo và phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện giải ngân phần vốn vay.

2. Hỗ trợ xuất khẩu lao động

Đối với những hộ chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất có nhu cầu xuất khẩu lao động thực hiện theo cơ chế, chính sách quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 và Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2009 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp danh sách hộ được hưởng

chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

3. Giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng

Hộ gia đình thực hiện giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng theo Quyết định số 755/QĐ-TTg thực hiện như cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 và Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01 tháng 02 năm 2013 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng chính sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

Điều 7. Trình tự và thủ tục, hồ sơ xác định đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg

1. Trưởng thôn tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của thôn có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận chỉ đạo của xã.

Các hộ đăng ký với trưởng thôn nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; trưởng thôn lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 3 ngày làm việc kể từ ngày thôn tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

2. Trưởng thôn tổ chức họp thôn bình xét công khai có đại diện của các tổ chức chính trị - xã hội tại thôn, đại diện một số hộ gia đình có trong danh sách; Trưởng thôn lập hồ sơ (gồm biên bản họp bình xét và danh sách theo thứ tự ưu tiên những hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ khó khăn hơn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 2 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp hồ sơ của các thôn, tổ chức kiểm tra quy trình bình xét ở thôn; lập danh sách thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; lập 02 bộ hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 làm việc ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các thôn.

4. Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện rà soát, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu của các xã, lập hồ sơ (gồm văn bản đề nghị kèm

theo danh sách của từng xã chi tiết đến từng hộ, từng thôn) gửi Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

5. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập Đề án gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra trước khi phê duyệt. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cấp huyện.

Hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập thành 5 bộ gồm: Đề án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng (thuyết minh nội dung, các phụ lục kèm theo và văn bản đề nghị cho ý kiến), gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu tại cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh 1 bộ.

6. Ủy ban Dân tộc xem xét Đề án của các địa phương và có ý kiến bằng văn bản. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề án hợp lệ của địa phương.

7. Căn cứ ý kiến thẩm tra của Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành, phê duyệt và giao cho các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, hỗ trợ mua sắm công cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Ngân sách trung ương chuyển vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay (50% tổng số vốn vay).

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề; chương trình bảo vệ và phát triển rừng; chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn để thực hiện các chính sách hỗ trợ học nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung.

3. Ngân hàng chính sách xã hội đảm bảo huy động 50% tổng nguồn vốn vay.

4. Ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để cùng với nguồn Ngân sách trung ương, vốn tín dụng ưu đãi thực hiện các chính sách.

Điều 9. Quy trình, thủ tục cho vay, thu hồi nợ

Thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 10. Lập dự toán và phân bổ kinh phí

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đối tượng thụ hưởng chính sách tại Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, ngoài ra hướng dẫn cụ thể sau đây:

1. Hàng năm căn cứ Đề án thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg của địa phương và kế hoạch thực hiện Đề án đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự toán thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg ở địa phương và xây dựng dự toán ngân sách đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ theo từng chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính tổng hợp nhu cầu, dự kiến vốn hỗ trợ trình Chính phủ quyết định bổ sung có mục tiêu cho từng địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm. Riêng đối với kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự toán Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề; chương trình bảo vệ và phát triển rừng; chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn gửi Bộ, ngành quản lý chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ quyết định.

2. Trên cơ sở dự toán số bổ sung có mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao, nguồn ngân sách địa phương và nguồn huy động khác để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ở địa phương. Cơ quan công tác Dân tộc cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

3. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán cho cấp huyện (chi tiết theo từng nhiệm vụ). Căn cứ mức kinh phí được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ và thông báo cho từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) chi tiết theo hạng mục công trình và chính sách hỗ trợ cho các hộ dân được hưởng theo danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp kinh phí ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giao dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo hình thức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Riêng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lao động học nghề, chuyển đổi nghề Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh thực hiện.

4. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ đến từng thôn, từng hộ dân theo từng chính sách được hỗ trợ.

Điều 11. Quản lý, cấp phát, thanh toán, kế toán và quyết toán

Việc cấp phát, thanh toán kinh phí để thực hiện các chính sách theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg cho các đơn vị và cho từng hộ dân phải chặt chẽ,

đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng; nhất là đối với những khoản thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc hiện vật) cho các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập danh sách cho từng hộ ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo quy định. Cụ thể:

1. Về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất

Căn cứ phương án giải quyết về đất ở và đất sản xuất cho các hộ chưa có hoặc chưa đủ đất ở, đất sản xuất; tùy theo phương thức thực hiện để có cơ chế cấp phát thanh toán cho phù hợp. Mức thanh toán tương ứng với số diện tích thực tế đã khai hoang hoặc chuyển nhượng và tối đa không vượt quá mức quy định hỗ trợ của nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc thanh toán phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Đối với đất dân tự khai hoang

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện được giao nhiệm vụ hướng dẫn các hộ tổ chức khai hoang theo đúng quy hoạch sử dụng đất của từng xã và phù hợp tập quán canh tác của đồng bào.

Căn cứ kết quả khai hoang của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân huyện giao nhiệm vụ thực hiện nghiệm thu khối lượng, lập biên bản nghiệm thu.

Căn cứ danh sách các hộ dân tự tổ chức khai hoang, biên bản nghiệm thu diện tích khai hoang, giấy đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn của huyện được giao nhiệm vụ hướng dẫn các hộ tổ chức khai hoang, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho từng hộ dân.

b) Đối với đất nhận chuyển nhượng

Ủy ban nhân dân cấp huyện giao một đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cùng với các hộ dân xác định diện tích đất chuyển nhượng của các hộ, lập biên bản bàn giao (có xác nhận của các bên liên quan);

Căn cứ định mức chi, danh sách và diện tích đất chuyển nhượng của các hộ dân, biên bản bàn giao; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các hộ dân có đất chuyển nhượng, đồng thời thông báo sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay.

2. Đối với các công trình khai hoang tập trung hoặc công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại các thôn, bản.

Việc tạm ứng, thanh toán vốn cho các công trình khai hoang tập trung hoặc công trình cấp nước sinh hoạt tập trung được thực hiện theo quy định đối với các

công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với quỹ đất thu hồi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Về thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán

Căn cứ danh sách các hộ dân được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký của các hộ dân về phương thức thực hiện; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp nhu cầu và phân loại theo từng phương thức thực hiện (các hộ dân nhận lu, stéc, vật dụng chứa nước; tự làm bể chứa nước; tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức hỗ trợ cho từng hộ dân. Mức cấp phát thanh toán không vượt quá mức quy định hỗ trợ của nhà nước cho từng hộ dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc cấp phát, thanh toán cho các đối tượng được hưởng chính sách theo các phương thức thực hiện như sau:

a) Đối với các hộ dân được cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, hợp đồng cung ứng giữa đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ với đơn vị cung ứng lu, stéc, vật dụng chứa nước; khối lượng lu, stéc, vật dụng chứa nước thực tế cấp cho các hộ dân theo biên bản bàn giao giữa đơn vị cung ứng và từng hộ dân (có ký nhận của chủ hộ), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thanh toán cho các đơn vị cung cấp lu, stéc, vật dụng chứa nước theo quy định.

b) Đối với các hộ dân tự làm bể chứa nước

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao cung ứng xi măng tại thôn cho từng hộ dân theo đúng số lượng đã hợp đồng. Khi giao xi măng cho từng hộ dân phải lập bảng kê khối lượng xi măng giao cho từng hộ dân để các hộ ký nhận, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã làm căn cứ thanh toán.

Căn cứ bảng kê khối lượng xi măng thực tế cung ứng cho các hộ dân, giá bán đến thôn bản đã ký kết, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thanh toán cho đơn vị cung ứng xi măng theo quy định.

c) Đối với các hộ dân tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước khác

Căn cứ danh sách đăng ký của các hộ dân, Ủy ban nhân dân cấp xã vận động các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương phối hợp với cộng đồng dân cư hướng dẫn, giúp đỡ các hộ dân thực hiện.

Sau khi có biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (có chữ ký xác nhận của hộ gia đình, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương), Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các hộ.

5. Hỗ trợ hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề

Việc tổ chức học nghề, hỗ trợ lao động học nghề để chuyển đổi nghề thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 102/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015.

6. Hỗ trợ hộ có lao động, có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp hoặc cần vốn để làm ngành nghề khác, tăng thu nhập.

Căn cứ danh sách các hộ được duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp gửi cơ quan công tác dân tộc và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, thanh toán cho các đối tượng.

7. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động, kinh phí giao khoán bảo vệ rừng và trồng rừng thực hiện cấp phát và thanh toán cho đối tượng theo quy định tại văn bản hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia việc làm và chương trình bảo vệ phát triển rừng.

8. Về hồ sơ chứng từ gửi Kho bạc Nhà nước khi thực hiện rút dự toán: dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao; giấy rút dự toán theo quy định; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về mức hỗ trợ cho từng hộ dân theo từng nội dung.

9. Về trách nhiệm kiểm soát chi: Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán đảm bảo số tiền hỗ trợ theo đúng kinh phí được cấp và danh sách phê duyệt theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của biên bản nghiệm thu và việc sử dụng số tiền hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng.

10. Về báo cáo kế toán và quyết toán

Số kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo đời sống khó khăn theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg được hạch toán, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn được hạch toán, tổng hợp vào ngân sách như sau: đối với kinh phí hộ có lao động học nghề để chuyển đổi nghề được hạch toán, tổng hợp vào ngân sách cấp tỉnh; đối với kinh phí hỗ trợ quy định tại Khoản 1, 2, 4 và 6 của Điều này được hạch toán, tổng hợp ngân sách cấp huyện (ngân sách cấp huyện cấp kinh phí ủy quyền cho ngân sách cấp xã) hoặc quyết toán ngân sách cấp xã (ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã) theo phân cấp ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

11. Quy định hạch toán Mục lục ngân sách nhà nước trong các trường hợp hỗ trợ bằng tiền trực tiếp cho hộ dân, người lao động: hạch toán Mục 7100 "Chi hỗ trợ kinh tế tập thể và dân cư", Tiểu mục 7149 "Khác".

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nội dung chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này tổ chức triển khai việc rà soát, xác định đối tượng và nhu cầu vốn, xây dựng Đề án thực hiện chính sách của địa phương gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra trước khi phê duyệt.

2. Nội dung Đề án phải làm rõ được tổng số hộ được hưởng chính sách, số hộ và số vốn cần hỗ trợ cho từng nội dung chính sách; cụ thể hóa bằng các biểu số liệu *(theo mẫu ban hành kèm theo),* có báo cáo thuyết minh và văn bản đề nghị, gửi Ủy ban Dân tộc thẩm tra, cho ý kiến.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể về mẫu biểu và chế độ báo cáo ở địa phương để phục vụ cho công tác rà soát, tổng hợp xây dựng Đề án và thực hiện chế độ báo cáo với Trung ương.

3. Căn cứ Đề án được duyệt và kết quả thực hiện hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch nhu cầu vốn thực hiện chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg gửi Ủy ban Dân tộc cùng với thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách tại địa phương gửi Ủy ban Dân tộc, đồng gửi các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan. Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg và tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban Dân tộc trong quý I năm 2016 để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014.

2. Các văn bản áp dụng được dẫn chiếu tại Thông tư liên tịch này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THỨ TRƯỞNG	KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM
Nguyễn Mạnh Hiển	**Nguyễn Công Nghiệp**	**Sơn Phước Hoan**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **BIỂU TỔNG HỢP CHUNG**

TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ	Tổng nguồn vốn Trung ương	Trong đó		Đất sản xuất		Vốn đào tạo nghề	Tổng số lao động	Chuyển đổi nghề		Tổng nhu cầu vốn đầu tư hỗ trợ nước sinh hoạt	Vốn ngân sách địa phương
				Vốn đầu tư, hỗ trợ	Vốn vay từ NH CSXH	Vốn hỗ trợ	Vốn vay từ NH CSXH			Vốn hỗ trợ	Vốn vay từ NH CSXH		
1	2	3	4=6+6	5=7+11+13	6=8+12	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số													
1													
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													

....., ngày... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **Biểu số 1**

NHU CẦU HỖ TRỢ TRỰC TIẾP ĐẤT SẢN XUẤT THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ	Diện tích (ha)	Tổng nhu cầu vốn từ trung ương		Ngân sách địa phương
				Vốn NSTW hỗ trợ	Vốn vay từ NHCSXH	
Tổng số						
1						
2						
3						
4						
5						

....., ngày... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP..... **Phụ biểu số 1.1**

PHỤ BIỂU CHI TIẾT NHU CẦU HỖ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Đất sản xuất nông nghiệp			Đất nuôi trồng thủy sản			Đất rừng sản xuất			Đất khác		
		Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí
Tổng số		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1													
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													

* Ghi chú: Cột kinh phí bao gồm vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, bình quân 30 triệu đồng/hộ.

....., ngày... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP..... **Biểu số 2**

NHU CẦU HỌC NGHỀ, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng nhu cầu nguồn vốn TW phân bổ	Lao động có nhu cầu đào tạo nghề		Số hộ có nhu cầu chuyển đổi nghề			Vốn ngân sách địa phương
			Số lao động	Kinh phí	Số hộ	Vốn NSTW đầu tư, hỗ trợ	Vốn vay từ NHCSXH	
1	2	3=5+7+8	4	5	6	7	8	9
Tổng số								
1								
2								
3								
4								
5								

....., ngày... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **Biểu số 3**

NHU CẦU HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ hưởng lợi	Tổng nhu cầu vốn từ NSTW	Nước sinh hoạt phân tán		Nước sinh hoạt tập trung			Vốn ngân sách địa phương
				Số hộ	Kinh phí	Số công trình	Số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	2	3=5+8	4=6+9	5	6	7	8	9	10
Tổng số									
1									
2									
3									
4									
5									

....., ngày..... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **Biểu số 3.1**

CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH NƯỚC TẬP TRUNG THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm	Dự kiến mức đầu tư	Trong đó		Số hộ được hưởng lợi	Ghi chú
				NSTW hỗ trợ	Vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số							
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							

….., ngày.... tháng.... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **Biểu số 4**

NHU CẦU HỖ TRỢ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG, KHOANH NUÔI BVR, TRỒNG RỪNG THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng số hộ	Tổng nhu cầu vốn thực hiện chính sách	Lao động đi xuất khẩu			Khoanh nuôi BVR				Trồng rừng		
				Lao động	Vốn hỗ trợ	Vốn vay	Số hộ	Diện tích (ha)	Hỗ trợ gạo	Kinh phí	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí
1	2	3	4=6+7+10+11+14	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số													
1													
2													
3													
4													
5													

……, ngày.... tháng.... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP……. **Biểu số 5**

NHU CẦU HỖ TRỢ ĐẤT Ở, DUY TU BẢO DƯỠNG, KINH PHÍ QUẢN LÝ THEO ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 755/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBDT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Tổng nhu cầu vốn	Đất ở			Duy tu bảo dưỡng			Kinh phí quản lý
			Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí	Số công trình	Số hộ được hưởng lợi	Kinh phí	
1	2	3=6+9+10	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số									
1									
2									
3									
4									
5									

....., ngày... tháng... năm 2013

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP.....

(Ký, ghi rõ họ tên)